

BỘ TƯ PHÁP  
Số: 04/2016/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2016

## THÔNG TƯ

### Quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp

*Căn cứ Luật Thống kê 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp.*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo thống kê; điều tra thống kê; phân tích, dự báo, công bố, phổ biến, sử dụng thông tin thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin; kiểm tra việc thực hiện công tác thống kê của Ngành Tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động thống kê thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này được tiến hành trong các lĩnh vực sau:

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
- Rà soát văn bản quy phạm pháp luật;
- Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Phổ biến, giáo dục pháp luật;

- e) Hòa giải ở cơ sở;
- g) Hộ tịch;
- h) Quốc tịch;
- i) Chứng thực;
- k) Lý lịch tư pháp;
- l) Nuôi con nuôi;
- m) Trợ giúp pháp lý;
- n) Đăng ký giao dịch bảo đảm;
- o) Luật sư;
- p) Công chứng;
- q) Giám định tư pháp;
- r) Bán đấu giá tài sản;
- s) Trọng tài thương mại;
- t) Pháp chế;
- u) Tương trợ tư pháp.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ);
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
3. Ủy ban nhân dân các cấp;
4. Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
5. Phòng Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;
6. Các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng;
7. Các tổ chức bán đấu giá tài sản, giám định tư pháp;
8. Các tổ chức đăng ký giao dịch bảo đảm;
9. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;
10. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Thông tin thống kê**

1. Thông tin thống kê Ngành Tư pháp bao gồm dữ liệu thống kê và bản phân tích các dữ liệu đó, được thu thập để phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và các nhiệm vụ khác của Bộ Tư pháp; phục vụ việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm thực hiện của Bộ Tư pháp và góp phần phục vụ các nhu cầu của xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức thu thập thông tin thống kê Ngành Tư pháp:

a) Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp;

b) Điều tra thống kê;

c) Sử dụng dữ liệu hành chính;

3. Báo cáo thống kê gồm báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo thống kê đột xuất; Điều tra thống kê bao gồm điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ**

#### **Điều 4. Thể thức báo cáo thống kê**

1. Báo cáo thống kê của Ngành Tư pháp thực hiện dưới dạng biểu mẫu báo cáo thống kê, gồm các thông tin cụ thể về tên biểu báo cáo thống kê; tên cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo và nhận báo cáo (sau đây gọi là đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo); kỳ báo cáo; nội dung báo cáo; phân tổ; đơn vị tính; ngày tháng năm thực hiện báo cáo; họ tên, chữ ký của người lập biểu báo cáo, người kiểm tra biểu; họ tên, chữ ký của thủ trưởng cơ quan, tổ chức báo cáo, đóng dấu theo quy định và các nội dung khác có liên quan.

2. Trường hợp cần làm rõ hơn các thông tin có liên quan đến số liệu nêu trong các báo cáo thống kê và các thông tin khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, đơn vị báo cáo có thể bổ sung thêm phần thuyết minh (chú thích) theo một hoặc kết hợp các hình thức sau:

a) Thể hiện tại vị trí cuối cùng bên ngoài khung biểu mẫu báo cáo thống kê, phía trên của phần chữ ký nêu tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp nội dung chú thích không nhiều);

b) Thể hiện dưới hình thức Công văn (theo mẫu chi tiết quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này).

## **Điều 5. Hình thức báo cáo thống kê**

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này, căn cứ vào điều kiện thực tế của đơn vị mình lựa chọn một trong các hình thức dưới đây để gửi báo cáo đến đơn vị nhận báo cáo:

1. Báo cáo bằng văn bản giấy có chữ ký của Thủ trưởng, dấu của đơn vị thực hiện báo cáo, gửi về đơn vị nhận báo cáo theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

2. Báo cáo bằng văn bản điện tử được thể hiện bằng một trong hai hình thức sau đây:

a. Văn bản điện tử dưới dạng ảnh (định dạng pdf) của báo cáo giấy theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b. Văn bản điện tử dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo bằng tiện ích trên Phần mềm thống kê Ngành Tư pháp do Bộ Tư pháp chủ trì thống nhất xây dựng và triển khai.

## **Điều 6. Báo cáo thống kê định kỳ**

### **1. Kỳ báo cáo**

Báo cáo thống kê định kỳ được lập hàng năm theo định kỳ 6 tháng và một năm theo hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê về công tác tư pháp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

a) Kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm. Gồm số liệu thực tế và số liệu ước tính trong kỳ báo cáo. Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 5; Số liệu ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Kỳ báo cáo thống kê năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Bao gồm:

- Báo cáo năm (phục vụ tổng kết công tác tư pháp): Gồm số liệu thực tế và số liệu ước tính trong kỳ báo cáo.

Đối với báo cáo của các đối tượng thuộc khoản 1 và 2 của Điều 2 Thông tư này (trừ Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực báo cáo về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực): Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 11 hàng năm; số liệu ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đối với báo cáo của các đối tượng thuộc khoản 3 đến khoản 10 Điều 2 Thông tư này: Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm; số liệu ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo năm chính thức: Gồm toàn bộ số liệu thực tế được thực hiện trong kỳ báo cáo (được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm).

## 2. Thời hạn nhận báo cáo

a) Thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ của mỗi cấp báo cáo được quy định cụ thể tại góc trên cùng, bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê và tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp thời hạn báo cáo thống kê nói trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

## 3. Ước tính số liệu thống kê

a) Việc ước tính số liệu thống kê quy định tại Thông tư này được thực hiện trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm (để phục vụ sơ kết, tổng kết công tác tư pháp theo định kỳ).

Số liệu ước tính là số liệu của thời gian sẽ diễn ra trong kỳ báo cáo, có sử dụng phương pháp chuyên môn để ước tính.

b) Phương pháp ước tính số liệu và cách ghi số liệu thực tế, số liệu ước tính được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.